

MỤC LỤC

Câu 1: Nêu khái niệm, đặc điểm công cụ tài chính, phân loại công cụ tài chính?	2
Câu 2: Nêu khái niệm, đặc điểm tài sản tài chính, phân loại tài sản tài chính.	3
Câu 3: Cơ sở đo lường Tài sản tài chính.	4
Câu 4: Ghi nhận ban đầu và ghi nhận sau ban đầu, dừng ghi nhận tài sản tài chính.	5
Câu 5: Nêu khái niệm, đặc điểm, phân loại nợ phải trả tài chính.	7
Câu 6: Đo lường nợ phải trả tài chính.	8
Câu 7: Ghi nhận ban đầu, ghi nhận sau ban đầu và dừng ghi nhận nợ phải trả tài chính.	8
Câu 8: Nêu đặc điểm, phân loại công cụ chứng khoán phái sinh?	10
Câu 9: Đo lường công cụ tài chính phái sinh.	12
Câu 10: Đặc điểm của trái phiếu chuyển đổi, đo lường cấu phần nợ và cấu phần vốn chủ sở hữu của trái phiếu chuyển đổi.	13
Câu 11: Nêu đặc điểm đầu tư cổ phiếu, đo lường giá trị ghi sổ khoản đầu tư cổ phiếu và phương pháp hạch toán khoản đầu tư cổ phiếu theo chế độ kế toán Việt Nam. So sánh với thông lệ quốc tế.	14
Câu 12: Nêu đặc điểm đầu tư trái phiếu, đo lường giá trị ghi sổ khoản đầu tư trái phiếu và phương pháp hạch toán khoản đầu tư trái phiếu theo chế độ kế toán Việt Nam. So sánh với thông lệ quốc tế.	16
Câu 13: Nêu đặc điểm khoản cho vay, đo lường giá trị ghi sổ khoản cho vay và phương pháp hạch toán khoản cho vay theo chế độ kế toán Việt Nam. So sánh với thông lệ quốc tế.	18
Câu 14: Nêu đặc điểm hợp đồng tương lai, nguyên tắc hạch toán hợp đồng tương lai cho mục đích kinh doanh.	19
Câu 15: Nêu đặc điểm hợp đồng tương lai, nguyên tắc hạch toán hợp đồng tương lai cho mục đích phòng ngừa rủi ro.	21
Câu 16: Nêu đặc điểm hợp đồng kỳ hạn, nguyên tắc hạch toán hợp đồng kỳ hạn cho mục đích phòng ngừa rủi ro.	23
Câu 17: Nêu đặc điểm hợp đồng kỳ hạn, nguyên tắc hạch toán hợp đồng kỳ hạn cho mục đích thương mại?	25
Câu 18: Nêu đặc điểm hợp đồng quyền chọn, nguyên tắc hạch toán hợp đồng quyền chọn cho mục đích phòng ngừa rủi ro.	26
Câu 19: Nêu đặc điểm hợp đồng quyền chọn, nguyên tắc hạch toán hợp đồng quyền chọn cho mục đích thương mại.	28
Câu 20: Nêu đặc điểm hợp đồng hoán đổi, nguyên tắc hạch toán hợp đồng hoán đổi cho mục đích phòng ngừa rủi ro.	29
Câu 21: Nêu đặc điểm hợp đồng hoán đổi, nguyên tắc hạch toán hợp đồng hoán đổi cho mục đích thương mại.	32

Câu 1: Nêu khái niệm, đặc điểm công cụ tài chính, phân loại công cụ tài chính?

Trả lời:

Khái niệm công cụ tài chính: công cụ tài chính là bất kì hợp đồng kinh tế nào đem lại tài sản tài chính cho chủ thể này, đồng thời đem lại nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu cho chủ thể kia trong hợp đồng.

Đặc điểm:

- CCTC không có hình dạng vật chất cụ thể (thường chỉ là các bút toán ghi sổ hay là các giấy tờ);
- Giá trị của CCTC không phụ thuộc vào giá trị sử dụng mà phụ thuộc và cung cầu trên thị trường.
- Giá trị của CCTC có sự biến động theo thời gian.
- CCTC không tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất hàng hóa, dịch vụ như TSCĐ hay hàng tồn kho.
- CCTC là loại tài sản có tính lỏng cao, hỗ trợ cho các quyết định tài chính của nhà quản lý như việc quyết định giữ lại tỷ lệ tiền mặt là bao nhiêu, lựa chọn các phương án đầu tư từ tiền mặt nhàn rỗi...

Phân loại:

Công cụ tài chính được phân làm 2 loại cơ bản là tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Cụ thể:

Tài sản tài chính gồm 4 loại:

Nhóm 1: TSTC ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo KQKD

Nhóm 2: Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Nhóm 3: Khoản cho vay và phải thu

Nhóm 4: TSTC không thuộc 3 nhóm trên

Nợ phải trả tài chính gồm 2 loại:

Nhóm 1: Nợ phải trả tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả kinh doanh, bao gồm:

- + Nợ phải trả tài chính nắm giữ để kinh doanh;
- + Công cụ tài chính phái sinh
- + Nợ phải trả tài chính được doanh nghiệp xếp vào nhóm ghi theo giá trị hợp lý
- + Phải trả người bán, phải trả nội bộ... bằng ngoại tệ

Nhóm 2: Nợ phải trả tài chính khác:

- + Không thuộc nhóm trên
- + Phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, nhận ký cược ký quỹ bằng VND

Câu 2: Nêu khái niệm, đặc điểm tài sản tài chính, phân loại tài sản tài chính.

Trả lời:

Khái niệm TSTC:

TSTC là 1 tài sản vô hình mà giá trị của nó phát sinh từ 1 quan hệ hợp đồng. Ví dụ: chứng chỉ tiền gửi ngân hàng, trái phiếu, cổ phiếu, ... TSTC thường có tính lỏng cao hơn so với TSCĐ hữu hình và được giao dịch trên thị trường tài chính.

Đặc điểm của TSTC:

- TSTC không có hình dạng vật chất cụ thể (thường chỉ là các bút toán ghi sổ hay là các giấy tờ);
- Giá trị của TSTC không phụ thuộc vào giá trị sử dụng mà phụ thuộc và cung cầu trên thị trường.
- Giá trị của TSTC có sự biến động theo thời gian.
- TSTC không tham gia trực tiếp trực tiếp vào quá trình sản xuất hàng hóa, dịch vụ như TSCĐ hay hàng tồn kho.
- TSTC là loại tài sản có tính lỏng cao, hỗ trợ cho các quyết định tài chính của nhà quản lý như việc quyết định giữ lại tỷ lệ tiền mặt là bao nhiêu, lựa chọn các phương án đầu tư từ tiền mặt nhàn rỗi...

Phân loại TSTC:

Theo IAS39, TSTC được chia làm 4 loại dựa trên mục đích mua và nắm giữ tài sản:

Nhóm 1: TSTC ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo KQKD, gồm:

- TSTC nắm giữ phục vụ cho mục đích kinh doanh (loại này cứ được giá là bán)
- Công cụ tài chính phái sinh phục vụ cho mục đích kinh doanh
- Các TSTC khác mà doanh nghiệp phân loại vào nhóm này

Nhóm 2: Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Đây là các khoản đầu tư mà doanh nghiệp có chủ đích và khả năng nắm giữ chúng đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này phải thỏa mãn 2 điều kiện sau để được xếp vào nhóm này:

- Số tiền thu về tại ngày đáo hạn được xác định 1 cách chắc chắn.
- Thời điểm thu tiền về được xác định 1 cách chắc chắn.

Ví dụ: trái phiếu, tiền gửi có kỳ hạn, ..

Nhóm 3: Khoản cho vay và phải thu:

Các khoản cho vay và phải thu không được niêm yết, việc chuyển nhượng mua bán khó khăn nên có tính thanh khoản thấp hơn nhóm TSTC được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Khác với các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu có đặc điểm là số tiền và thời điểm thu tiền về không được xác định chắc chắn.

VD: khoản Phải thu KH, Phải trả NB, Khách hàng ứng trước, phải thu khác, ký cược, ký quỹ...

Nhóm 4: TSTC không thuộc 3 nhóm trên, gồm:

- Ngoại tệ, vàng bạc: không phục vụ cho mục đích kinh doanh mà phục vụ cho hoạt động sản xuất. Loại này được ghi nhận theo giá trị hợp lý.
- Công cụ tài chính phái sinh sử dụng cho mục đích phòng ngừa rủi ro.
- Đầu tư tài chính khác, gồm:
 - * Góp vốn liên doanh ngắn hạn (loại này không được niêm yết, nên không xác định được giá trị hợp lý 1 cách chính xác)
 - * Đầu tư vào các doanh nghiệp với mục đích chiến lược, dài hạn, không phải với mục đích tìm kiếm LN trong ngắn hạn, loại này cũng không xác định được giá trị hợp lý 1 cách chính xác.
 - * Khoản phải thu KH có gốc ngoại tệ (được ghi nhận theo giá trị hợp lý).

Câu 3: Cơ sở đo lường Tài sản tài chính.

Trả lời:

Cơ sở đo lường TSTC được quy định trong IAS 39: Ghi nhận và xác định giá trị. Theo đó, việc đo lường TSTC phụ thuộc vào:

a) Loại TSTC (TSTC nắm giữ để kinh doanh, Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, Các khoản cho vay và phải thu; TSTC khác);

b) Thời điểm ghi nhận (Ghi nhận ban đầu và sau ban đầu);

- Tại thời điểm ban đầu:

+ TSTC nắm giữ để kinh doanh và TSTC khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý

+ Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay, phải thu ghi nhận theo GT hợp lý+CP giao dịch

- Ghi nhận sau ban đầu:

+TSTC nắm giữ để kinh doanh và TSTC khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý, chênh lệch của TSTC nắm giữ để kinh doanh được ghi vào thu chi tài chính còn chênh lệch của TSTC khác được ghi nhận vào chênh lệch đánh giá lại TSTC (Other comprehensive income)

+ Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay, phải thu được ghi nhận theo giá trị phân bổ; chênh lệch tính vào Thu/chi Tài chính

c) Và phương pháp xác định giá trị (PP giá trị hợp lý; giá trị phân bổ)

- Giá trị hợp lý (Theo IAS 39) là giá trị của TS hay NPT có thể trao đổi giữa các bên có hiểu biết, có thiện chí trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

GTHL được sử dụng để ghi nhận ban đầu và sau ban đầu với hai loại TSTC là TSTC nắm giữ để kinh doanh và TSTC khác (sẵn sàng để bán) . Do đặc điểm của hai loại tài sản này là có giá trị thay đổi theo thời gian, vì vậy việc sử dụng GTHL trong đo lường sẽ phản ánh được sự thay đổi của thị trường, cung cấp thông tin

hữu ích cho người sử dụng. Tùy vào cấp độ dữ liệu tham chiếu để xác định giá trị hợp lý, các phương pháp xác định GTHL có thể là phương pháp thị trường, PP thu nhập hay PP chi phí.

- Giá trị phân bổ của một TSTC là giá trị mà tại đó TSTC được đo lường ở giá trị ghi nhận ban đầu: Trừ đi các khoản hoàn trả gốc; Cộng hoặc trừ khoản phân bổ lũy kế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn; Trừ đi các khoản giảm trừ trực tiếp hoặc qua tài khoản dự phòng do giảm giá hoặc không thể thu hồi.

Như vậy giá trị phân bổ là giá trị được xác định sau thời điểm ghi nhận ban đầu nhằm đánh giá đúng tình trạng giá trị tài sản đó vào thời điểm lập BCTC.

* Điều kiện để các loại TSTC trên được đánh giá lại bằng phương pháp giá trị phân bổ:

+ Với các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: Khi các khoản đầu tư này có sự chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị nhận được khi đáo hạn hoặc khi có sự chênh lệch giữa lãi suất thị trường và lãi suất danh nghĩa.

+ Với các khoản cho vay, phải thu: Khi có bằng chứng chắc chắn về sự giảm đáng kể giá trị của khoản cho vay và phải thu thì sẽ ghi giảm giá trị khoản cho vay và phải thu thông qua tài khoản dự phòng hoặc ghi giảm trừ trực tiếp giá trị của khoản cho vay và phải thu đó.

Câu 4: Ghi nhận ban đầu và ghi nhận sau ban đầu, dừng ghi nhận tài sản tài chính.

Trả lời:

1. Ghi nhận ban đầu:

- **Điều kiện ghi nhận:** Một đơn vị được ghi nhận một tài sản tài chính trong BCTKT khi và chỉ khi các đơn vị đó trở thành một bên quy định trong hợp đồng dự phòng về các công cụ tài chính.

- **Giá trị ghi nhận:**

Đối với TSTC ghi nhận theo giá trị hợp lý và TSTC khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Đối với khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, khoản cho vay và phải thu được ghi nhận theo giá mua cộng với chi phí giao dịch.

2. Ghi nhận sau ban đầu:

- **Khoản cho vay và phải thu:**

Cuối mỗi kỳ kế toán, kế toán phải đánh giá lại giá trị của khoản mục phải thu và lập dự phòng tương ứng. Dự phòng được lập theo nguyên tắc Thận trọng và dựa trên các ước tính kế toán về giá trị hợp lý của khoản phải thu.

- **Đầu tư giữ đến ngày đáo hạn:** Ghi theo phương pháp chi phí phân bổ:

Amortised cost = Historical cost - (or +) Amortisation of Premium (or Discount) - Impairment losses (if any)

- **TSTC ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Được ghi nhận qua giá trị hợp lý. Bất kỳ sự thay đổi của giá trị hợp lý trong thời gian nắm giữ được ghi nhận thẳng vào thu chi tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- **TSTC khác**

Được ghi nhận qua giá trị hợp lý, ngoài ra trong một số trường hợp được ghi nhận theo giá gốc. Sự thay đổi về giá trị trong thời gian nắm giữ được ghi nhận ngay vào VCSH.

3. Dừng ghi nhận TSTC:

- **Khái niệm:** Theo khoản 13 điều 3 Thông tư Số: 210 /2009/TT-BTC:

Dừng ghi nhận là việc đưa tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính trước đây đã được ghi nhận ra khỏi bảng cân đối kế toán.

- **Điều kiện:**

Theo IAS 39, điều kiện để dừng ghi nhận một tài sản tài chính: Một doanh nghiệp sẽ xóa bỏ 1 tài sản tài chính khi và chỉ khi:

+ Quyền được ghi nhận trong hợp đồng đối với dòng tiền từ tài sản tài chính hết thời hạn.

+ Chuyển giao tài sản tài chính đã được đề ra và những điều kiện chuyển giao cho việc xóa bỏ.

- **Xóa bỏ tài sản tài chính.**

Xóa bỏ hoàn toàn tài sản tài chính: Khi chuyển giao một tài sản tài chính được chấm dứt ghi nhận hoàn toàn lấy một tài sản tài chính mới

Xóa sổ 1 phần tài sản tài chính: Khi doanh nghiệp chuyển giao 1 tài sản tài chính mà vẫn giữ lại quyền kiểm soát tài sản chuyển giao. Khi đó, doanh nghiệp tiếp tục ghi nhận tài sản chuyển giao trong phạm vi tiếp tục liên quan của doanh nghiệp, phần còn lại không nằm trong phạm vi tiếp tục liên quan của doanh nghiệp thì sẽ bị xóa bỏ.

Tóm lại có thể tóm tắt việc ghi nhận ban đầu, sau ban đầu và dừng ghi nhận TSTC theo bảng sau:

Nhóm TSTC	Đo lường ban đầu	Đo lường sau ban đầu	Chênh lệch giá trị ghi nhận vào
1.TSTC ghi nhận theo giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý	Giá trị HL	Thu chi tài chính
2.Đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	Giá mua+CP giao dịch	Giá trị phân bổ	Thu chi tài chính
3.Cho vay và phải thu	Giá mua+CP giao dịch	Giá trị phân bổ	Thu chi tài chính

4.TSTC khác	Giá trị hợp lý	Giá trị HL/Giá gốc	Vốn chủ sở hữu
-------------	----------------	--------------------	----------------

Câu 5: Nêu khái niệm, đặc điểm, phân loại nợ phải trả tài chính.

Trả lời:

1. Khái niệm

a) Theo từ điển kế toán (Accounting dictionary)

NPT tài chính có thể là một trong hai loại sau đây:

1. Một nghĩa vụ hợp đồng yêu cầu doanh nghiệp phải thanh toán tiền mặt hoặc TSTC khác; hay trao đổi TSTC hoặc NPT tài chính với doanh nghiệp khác dưới các điều kiện bất lợi.

2. Một hợp đồng có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu, có thể thuộc dạng phi phái sinh mà doanh nghiệp phải thanh toán một khoản đáng kể công cụ vốn chủ sở hữu của mình cho doanh nghiệp khác; hoặc có thể là CCTC phái sinh mà không thanh toán tiền hoặc tương đương tiền với một lượng nhất định VCSH của doanh nghiệp

VD: Các khoản NPT tài chính như Phải trả người bán, Nợ vay... và các khoản NPT tài chính phái sinh khác.

b) Theo IAS 32 và thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng:

Nợ phải trả tài chính: Là các nghĩa vụ sau:

- Mang tính bắt buộc để:

(i) Thanh toán tiền mặt hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác;

(ii) Trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho đơn vị; hoặc

- Hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị.

2. Phân loại

Nợ phải trả tài chính gồm 2 loại:

Nhóm 1: Nợ phải trả tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả kinh doanh, bao gồm:

+ Nợ phải trả tài chính nắm giữ để kinh doanh;

+ Công cụ tài chính phái sinh

+ Nợ phải trả tài chính được doanh nghiệp xếp vào nhóm ghi theo giá trị hợp lý

+ Phải trả người bán, phải trả nội bộ... bằng ngoại tệ

Nhóm 2: Nợ phải trả tài chính khác:

+ Không thuộc nhóm trên

+ Phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, nhận kí cược kí quỹ bằng VND

Câu 6: Đo lường nợ phải trả tài chính.

Trả lời:

Nợ phải trả tài chính là nghĩa vụ cơ bản trong HĐ mà phải trả tiền, hoặc phải thanh toán TSTC cho đơn vị khác, phải trao đổi TSTC, nợ phải trả tài chính trong điều kiện bất lợi cho đơn vị.

+ Tại thời điểm ban đầu, nợ phải trả TC được ghi nhận theo giá trị hợp lý
+ Định kỳ, NPT TC cũng được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp tính lãi suất hiệu quả trừ các trường hợp:

* Nợ phải trả tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ bao gồm cả các công cụ phái sinh đại diện cho các khoản nợ, được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

* Những khoản nợ tài chính phát sinh do sự chuyển giao một tài sản tài chính nhưng không đủ điều kiện để chấm dứt ghi nhận.

* Các hợp đồng bảo đảm tài chính và các hợp đồng tài chính điều chỉnh theo mức lãi suất thị trường.

Ở VN, theo chuẩn mực kế toán, các khoản mục trên BCTC, bao gồm cả NPT nói chung hay NPT tài chính nói riêng, sẽ đều ghi nhận theo giá gốc.

Câu 7: Ghi nhận ban đầu, ghi nhận sau ban đầu và dừng ghi nhận nợ phải trả tài chính.

Trả lời:

IAS 39 yêu cầu ghi nhận nợ phải trả tài chính khi và chỉ khi doanh nghiệp trở thành một bên trong hợp đồng về các công cụ tài chính.

Nợ phải trả TC gồm 2 loại:

-NPT TC ghi nhận theo GTHL thông qua lãi lỗ (NPT TC để kinh doanh; CCTC phái sinh; NPT TC được DN xếp vào nhóm ghi nhận theo GTHL; PTNB, PT nội bộ, phải trả khác, vay nợ,... bằng ngoại tệ)

-NPT TC khác (Các khoản NPT TC không thuộc nhóm nói trên như PTNB, PT khác, vay nợ, nhận ký quỹ ký cược... bằng VNĐ)

1.Ghi nhận ban đầu:

- Đối với NPT TC ghi theo GTHL: được ghi nhận ban đầu theo GTHL

Giá trị hợp lý là mức giá mà một tài sản có thể được trao đổi giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong một giao dịch ngang giá. Giá trị hợp lý là mức giá được xác định trên cơ sở mức giá trị thường hoặc được xác định từ các tham số của thị trường.

Ghi nhận : Nợ TK Tiền

Có TK NPT TC

-Đối với NPT TC khác: ghi nhận ban đầu theo giá phát hành/ giá hợp đồng (giá gốc)

Thông thường: Nợ TK Tiền

Có TK NPT TC

Tuy nhiên đối với **công cụ nợ PT TC hỗn hợp** (ví dụ như trái phiếu chuyển đổi) thì giá trị ghi sổ ban đầu được phân bổ cho thành phần nợ PT và VCSH. Phần VCSH thường xác định là GTCL của CCTC sau khi trừ đi GTHL của phần NPT.

$GTHL \text{ của NPT} = \text{Nợ gốc} + \text{Lãi phải trả}$ (sử dụng phương pháp lãi suất thực để tính)

Ghi nhận: Nợ TK tiền

Có TK Nợ PT

Có TK VCSH

2. Ghi nhận sau ban đầu:

-NPT TC ghi nhận theo GTHL: sau thời điểm ghi nhận ban đầu NPT TC được ghi nhận và trình bày theo giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của NPT TC có thể thay đổi theo thời gian tại mỗi thời điểm lập Báo cáo tài chính. Chênh lệch giá trị hợp lý của NPT TC giữa các thời điểm lập báo cáo được ghi nhận vào thu chi tài chính

-NPT TC khác:

Giá gốc có phân bổ là mức giá được xác định trên cơ sở áp dụng phương pháp lãi suất thực tế để xác định giá trị hiện tại của dòng tiền liên quan đến tài sản và nợ phải trả theo một lãi suất chiết khấu nhất định.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản tiền lãi/lỗ liên quan được phân bổ theo phương pháp lãi suất thực tế. Khoản phân bổ tiền lãi/lỗ được ghi nhận để điều chỉnh từ giá gốc thành giá gốc có phân bổ và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh (thu chi TC).

IFRS 9 chứa một sự lựa chọn cho việc đo lường NPT TC qua lãi lỗ trên BCKQKD nếu:

+ Làm như vậy sẽ loại bỏ hoặc giảm thiểu sự không thống nhất trong đo lường và ghi nhận mà sẽ nảy sinh từ việc đo lường NPT TC hoặc ghi nhận các khoản lãi lỗ từ NPT TC trên các cơ sở khác nhau

+ Khoản NPT là một phần hoặc một nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được quản lý và các kết quả của hoạt động của nó được đánh giá trên cơ sở giá trị hợp lý tuân theo chiến lược đầu tư và quản lý rủi ro của công ty và các thông tin về khoản NPT này được cung cấp trong nội bộ công ty cho các thành viên quan trọng của ban giám đốc.

IFRS 9 cũng yêu cầu các khoản lãi lỗ phát sinh từ khoản nợ phải trả tài chính được đo lường bằng giá trị hợp lý được chia thành 2 phần:

+ Phần thay đổi giá trị hợp lý do sự thay đổi của rủi ro tín dụng của NPT TC sẽ được ghi nhận vào other comprehensive income

+ Phần còn lại sẽ được trình bày trong kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Quy định mới này cho phép ghi nhận toàn bộ sự thay đổi của giá trị hợp lý vào kết quả kinh doanh của doanh nghiệp chỉ khi sự ghi nhận về thay đổi của rủi ro

tín dụng của khoản nợ phải trả vào other comprehensive income sẽ tạo ra hoặc phóng đại sự bất hợp lý về kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Số dư của TK other comprehensive income về sau sẽ không được chuyển sang kết quả kinh doanh, doanh nghiệp chỉ theo dõi số dư của TK này trên khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

3. Dừng ghi nhận NPT TC:

NPT TC dừng ghi nhận trên BCĐKT khi và chỉ khi nó không còn tồn tại, tức là khi nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng không bị gánh chịu nữa hay hết thời hạn.

Khi có sự trao đổi giữa người đi vay và người cho vay các công cụ nợ với những điều khoản khác nhau cơ bản, hoặc có sự thay đổi căn bản các điều khoản của một NPT TC đã tồn tại, nghiệp vụ này được kế toán ghi nhận như một khoản xóa bỏ NPT TC ban đầu và ghi nhận một khoản NPT TC mới. Khoản lãi/lỗ từ việc xóa bỏ NPT TC ban đầu được ghi nhận vào lãi/ lỗ trong BCKQKD.

Câu 8: Nêu đặc điểm, phân loại công cụ chứng khoán phái sinh?

Trả lời

Khái niệm: Công cụ tài chính phái sinh là một hợp đồng thỏa mãn đồng thời ba đặc điểm sau:

- Có giá trị thay đổi theo sự thay đổi của các yếu tố trên thị trường, như: Lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá cả hàng hóa hoặc giá chứng khoán;
- Không phải đầu tư tại thời điểm khởi đầu hợp đồng hoặc chỉ cần đầu tư ban đầu thấp hơn so với các loại hợp đồng khác có các phản ứng tương tự đối với sự thay đổi của các yếu tố thị trường; và
- Được thanh toán vào một ngày trong tương lai.

Đặc điểm chung:

Đặc điểm chung của công cụ tài chính phái sinh là không yêu cầu doanh nghiệp phải có khoản đầu tư ban đầu, ngoại trừ trường hợp giao dịch hợp đồng quyền chọn thì bên mua phí quyền chọn phải trả phí cho bên bán quyền chọn. Thông thường, việc thanh toán giữa các bên sử dụng công cụ tài chính phái sinh được thực hiện trên cơ sở thuần, theo đó các bên chỉ thanh toán cho nhau phần chênh lệch về giá trị hợp lý của tài sản cơ sở trong hợp đồng phái sinh, như: Chênh lệch giữa giá cả hàng hóa, giá chứng khoán tại thời điểm khởi đầu hợp đồng và thời điểm báo cáo hoặc thời điểm đáo hạn hợp đồng; Chênh lệch giữa lãi suất thả nổi hoặc lãi suất cố định của khoản vay trong từng kỳ; Chênh lệch giữa tỷ giá hối đoái của một số lượng ngoại tệ tại thời điểm khởi đầu hợp đồng và thời điểm đáo hạn hợp đồng. Trong một số trường hợp, các bên có thể chuyển giao tài sản cơ sở (hàng hóa, ngoại tệ, chứng khoán, khoản vay) thì việc thanh toán được dựa trên giá trị hợp lý của tài sản cơ sở được quy định trong hợp đồng

Đặc điểm riêng- phân loại: (4 loại)

1 – Hợp đồng tương lai:

- Tại thời điểm khởi đầu hợp đồng, các bên tham gia vào hợp đồng tương lai phải mở tài khoản ký quỹ tại sàn giao dịch hoặc nhà môi giới trung gian. Hàng ngày, khi có chênh lệch giữa giá trị thị trường của tài sản cơ sở và giá trị tài sản cơ sở quy định trong hợp đồng, nhà môi giới hoặc sàn giao dịch sẽ thông báo cho các bên số tiền phải trả hoặc được nhận thông qua tài khoản ký quỹ mở tại nhà môi giới; Trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, các bên phải duy trì số dư tài khoản ký quỹ trên mức tối thiểu được quy định bởi sàn giao dịch và phải nộp thêm tiền vào tài khoản ký quỹ nếu số dư tài khoản ký quỹ thấp hơn mức ký quỹ tối thiểu;
- Hợp đồng tương lai được niêm yết công khai trên sàn giao dịch, có các đặc điểm kỹ thuật mang tính chuẩn hoá quy định bởi sàn giao dịch; Giá trị hợp đồng tương lai được xác định theo giá thị trường hàng ngày trên sàn giao dịch;
- Quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia vào hợp đồng tương lai được đảm bảo đầy đủ bởi sàn giao dịch;
- Hợp đồng tương lai có tính thanh khoản cao, rủi ro thấp và được thanh toán bù trừ đa phương bởi sàn giao dịch. Các bên trong hợp đồng có thể tắt toán hợp đồng tại hoặc trước thời điểm đáo hạn hợp đồng. Tại thời điểm đáo hạn hợp đồng, việc thanh toán có thể được thực hiện bằng cách chuyển giao tài sản cơ sở hoặc thanh toán số tiền chênh lệch giữa giá tại ngày đáo hạn hợp đồng và giá tại ngày ký hợp đồng.

2 - Hợp đồng kỳ hạn:

- Hợp đồng kỳ hạn là thoả thuận ràng buộc mang tính pháp lý giữa hai bên, các bên trong hợp đồng không phải mở tài khoản ký quỹ hay trả bất cứ loại phí nào tại thời điểm khởi đầu hợp đồng, theo đó tài sản cơ sở, thời gian đáo hạn, hình thức thanh toán... phụ thuộc hoàn toàn vào thoả thuận cụ thể giữa hai bên tham gia hợp đồng;
- Hợp đồng kỳ hạn không giao dịch tại sàn giao dịch, các bên trong hợp đồng kỳ hạn phải chịu những rủi ro nhất định do quyền lợi và nghĩa vụ theo hợp đồng không được đảm bảo bởi sàn giao dịch;
- Hợp đồng kỳ hạn không được tắt toán trước thời điểm đáo hạn hợp đồng, các bên trong hợp đồng kỳ hạn chỉ phải thanh toán một lần vào ngày đáo hạn hợp đồng. Việc thanh toán hợp đồng kỳ hạn là thanh toán song phương, có thể được thực hiện bằng cách chuyển giao tài sản cơ sở hoặc thanh toán số tiền chênh lệch giữa giá tại ngày đáo hạn hợp đồng và ngày ký hợp đồng.

3 - Hợp đồng quyền chọn:

- Quyền chọn gồm 2 loại: Quyền chọn mua và quyền chọn bán.
- Tại thời điểm hợp đồng có hiệu lực, bên mua quyền chọn phải trả phí quyền chọn cho bên bán

- Bên mua quyền chọn có quyền thực hiện hoặc không thực hiện quyền chọn tại thời điểm đáo hạn hợp đồng.
- Hợp đồng quyền chọn được giao dịch trên cả sàn giao dịch và thị trường phi tập trung OTC.

Bên tham gia hợp đồng	Người mua quyền chọn - Phải trả phí; - Có quyền lựa chọn thực hiện hoặc không thực hiện hợp đồng	Người bán quyền chọn - Được nhận phí; - Không có quyền quyết định việc thực hiện hoặc không thực hiện hợp đồng
Loại quyền chọn		
Quyền chọn mua	- Nếu giá thị trường cao hơn giá gốc hợp đồng thì sẽ thực hiện quyền chọn; - Nếu giá thị trường thấp hơn giá gốc hợp đồng thì sẽ không thực hiện quyền chọn.	Có nghĩa vụ thực hiện theo quyết định của người mua
Quyền chọn bán	- Nếu giá thị trường cao hơn giá gốc hợp đồng thì sẽ không thực hiện quyền chọn; - Nếu giá thị trường thấp hơn giá gốc hợp đồng thì sẽ thực hiện quyền chọn.	Có nghĩa vụ thực hiện theo quyết định của người mua

4 - Hợp đồng hoán đổi:

- Hợp đồng hoán đổi được dùng để trao đổi một số tài sản không mang tính chất mua, bán (ví dụ như trao đổi đồng EUR lấy đồng USD) hoặc trao đổi một số nghĩa vụ phải trả không mang tính mua, bán (ví dụ như trao đổi lãi suất thả nổi lấy lãi suất cố định, giá cả hàng hoá biến đổi lấy giá cả hàng hoá cố định).
- Các hợp đồng hoán đổi không được niêm yết trên sàn giao dịch do mang tính chất là thoả thuận riêng lẻ giữa hai bên, được thực hiện dựa vào nhu cầu nhận hoặc chi trả luồng tiền của từng bên bằng cách đổi lợi ích trên thị trường tài chính này để lấy lợi ích của bên khác trên thị trường tài chính kia nhằm mục đích chủ yếu là phòng ngừa rủi ro.

Câu 9: Đo lường công cụ tài chính phái sinh.

Trả lời:

Theo IAS 32, Công cụ tài chính phái sinh gồm có công cụ tài chính phái sinh sử dụng cho mục đích kinh doanh và cho mục đích phòng ngừa rủi ro. Với CCTCPS sử dụng cho mục đích kinh doanh đo lường giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý ghi nhận tiếp theo theo giá trị hợp lý, sự thay đổi giá trị ghi nhận vào thu chi tài chính. Với CCTCPS sử dụng cho mục đích phòng ngừa rủi ro đo lường giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý ghi nhận tiếp theo theo giá trị hợp lý, sự thay đổi giá trị ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán

Theo TT hướng dẫn về kế toán công cụ tài chính, CCTCPS ghi nhận theo giá trị hợp lý.

1. Trường hợp CCTCPS được phân loại là tài sản

- Giá trị hợp lý CCTCPS được xác nhận dựa trên giá niêm yết trên thị trường
- Trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường, DN phải tự xác định giá trị hợp lý bằng kỹ thuật định giá để xác định giá trị của tài sản phái sinh vào ngày xác định giá trị trong một trao đổi ngang giá. Các kỹ thuật định giá bao gồm :
 - Sử dụng giá của các giao dịch ngang giá trên thị trường giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn thực hiện giao dịch bình đẳng;
 - Tham chiếu giá trị hợp lý của một loại công cụ phái sinh tương tự
 - Phân tích dòng tiền chiết khấu
 - Sử dụng mô hình định giá quyền chọn
- Nếu trên thị trường có một phương pháp định giá phổ biến và đã có các bằng chứng cho thấy rằng phương pháp đưa ra ước tính sát với giá trị giao dịch thực tế thì doanh nghiệp được phép áp dụng phương pháp đó. Phương pháp định giá được chọn phải tận dụng được hết các thông tin thị trường và không phụ thuộc nhiều vào các thông tin của một tổ chức cá biệt. phương pháp định giá phải kết hợp tất cả các yếu tố mà các bên tham gia thị trường có thể xem xét khi xác định giá trị công cụ tài chính phaisinh và phải phù hợp với các phương pháp kinh tế luận được thừa nhận trong định giá tài sản tài chính. Theo định kỳ DN phải xem xét lại và kiểm tra sự phù hợp của phương pháp định giá bằng cách sử dụng giá thu thập được từ các giao dịch thực tế trên thị trường đối với loại công cụ tương tự hoặc dựa trên các số liệu có thể quan sát được trên thị trường.

2. Trường hợp CCTCPS được phân loại là nợ phải trả:

Giá trị hợp lý của CCTCPS được phân loại là nợ phải trả không nhỏ hơn giá trị phải trả theo cam kết trong hợp đồng, tính từ ngày đầu tiên có thể phải trả tiền.

Câu 10: Đặc điểm của trái phiếu chuyển đổi, đo lường cấu phần nợ và cấu phần vốn chủ sở hữu của trái phiếu chuyển đổi.

Trả lời:

Về đặc điểm của trái phiếu chuyển đổi, theo như tên gọi của nó, trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu mà người nắm giữ có khả năng chuyển đổi chúng thành một lượng cổ phiếu nhất định của công ty phát hành. Khi được phát hành lần đầu, các trái phiếu này đóng vai trò như một loại trái phiếu doanh nghiệp thông thường, có mức lãi suất thấp hơn một chút. Vì các trái phiếu chuyển đổi thường có khả năng chuyển đổi thành cổ phiếu và người nắm giữ cũng sẽ hưởng lợi từ việc tăng giá của cổ phiếu được chuyển đổi nên các công ty thường đưa ra tỉ lệ lãi suất thấp đối với các trái phiếu chuyển đổi. Nếu như công ty hoạt động kém hiệu quả thì trái phiếu sẽ không có khả năng chuyển đổi, do đó các nhà đầu tư sẽ chỉ nhận được khoản lợi tức nhỏ bé mà trái phiếu này mang lại. Điều này là hoàn toàn bình thường bởi lợi nhuận lúc nào cũng đi kèm với rủi ro.

Về đo lường, ta xét một ví dụ sau: Công ty X phát hành trái phiếu chuyển đổi với mệnh giá 100,000 lãi suất 6%/năm với thời hạn 5 năm, trả lãi vào cuối mỗi năm. Đến cuối năm thứ 5, nhà đầu tư được quyền chuyển đổi toàn bộ mệnh giá của trái phiếu sang cổ phiếu của công ty X. Biết rằng tỉ lệ lãi suất yêu cầu đối với các trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi là 8%/năm.

Ta sẽ đo lường giá trị của cấu phần nợ và cấu phần vốn chủ sở hữu như sau:

+ Lãi suất nhận được hàng năm của trái phiếu = $100,000 \times 6\% = 6,000$

+ Giá trị cấu phần nợ = $6,000/1.08 + 6,000/1.08^2 + \dots + 6,000/1.08^5 + 100,000/1.08^5$
= 92,014.58

+ Giá trị cấu phần vốn chủ sở hữu = $100,000 - 92,014.58 = 7,985.42$

Câu 11: Nêu đặc điểm đầu tư cổ phiếu, đo lường giá trị ghi sổ khoản đầu tư cổ phiếu và phương pháp hạch toán khoản đầu tư cổ phiếu theo chế độ kế toán Việt Nam. So sánh với thông lệ quốc tế.

Trả lời

*** Đặc điểm**

- Không có kỳ hạn và không hoàn vốn: Cổ phiếu là chứng nhận góp vốn của các cổ đông vào công ty cổ phần. Chỉ có chiều góp vào, không thể hiện thời hạn hoàn vốn; không có kỳ hạn. (Khi công ty phá sản hoặc giải thể, thì sẽ không còn tồn tại cổ phiếu).
- Cổ tức không ổn định và phụ thuộc vào kết quả SXKD của doanh nghiệp (Cổ tức cổ phiếu thường tùy thuộc vào kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, và vì kết quả kinh doanh không ổn định nên cổ tức cũng không thể cố định. Khi doanh nghiệp làm ăn phát đạt thì cổ đông được hưởng lợi nhuận nhiều hơn so với các loại chứng khoán khác có lãi suất cố định. Ngược lại, khi làm ăn khó khăn hoặc thua lỗ, cổ tức có thể rất thấp hoặc không có cổ tức.)

- Khi phá sản, cổ đông là người cuối cùng nhận được giá trị còn lại của tài sản thanh lý
- Giá cổ phiếu biến động rất mạnh. Giá biến động nhiều nhất là trên thị trường thứ cấp, do giá chịu sự tác động của nhiều nhân tố, và nhân tố quan trọng đó là kết quả kinh doanh của công ty.

***Đo lường giá trị ghi sổ và hạch toán khoản đầu tư cổ phiếu**

- Ghi nhận ban đầu:

+ Theo kế toán Việt Nam, các khoản đầu tư cổ phiếu đều phải ghi nhận theo giá gốc, tức là :Giá mua + Chi phí giao dịch.

Nợ Tk 1211, 221, 223, 228: Giá mua + Chi phí giao dịch.

Có Tk 111, 112, ...: Giá mua + Chi phí giao dịch.

- Ghi nhận sau ban đầu:

+ Nhận cổ tức:

Nợ Tk 111, 112, 138: Cổ tức được chia

Có Tk 515: Cổ tức được chia

+ Chuyển nhượng cổ phiếu:

- Nếu lãi (giá chuyển nhượng lớn hơn giá trị ghi sổ)

Nợ Tk 111, 112, 131: Giá chuyển nhượng

Có Tk 1211, 221, 223, 228: Giá trị ghi sổ

Có Tk 511: Chênh lệch giữa giá chuyển nhượng và giá trị ghi sổ

- Nếu lỗ (giá chuyển nhượng nhỏ hơn giá trị ghi sổ)

Nợ Tk 111, 112, 131: Giá chuyển nhượng

Nợ Tk 635: Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá chuyển nhượng

Có Tk 511: Giá trị ghi sổ

*** Theo thông lệ quốc tế,**

- Ghi nhận ban đầu:

+ Các khoản đầu tư cổ phiếu sẽ được ghi nhận theo giá trị hợp lý, tức là giá mua của cổ phiếu đó không tính chi phí giao dịch.

Nợ Tk Cổ phiếu: Giá mua

Có Tk 111, 112, ...: Giá mua

Nợ TK Chi phí tài chính: chi phí giao dịch

Có Tk 111, 112, ...: chi phí giao dịch

- Ghi nhận sau ban đầu: cũng ghi nhận bằng giá trị hợp lý.

+ Nếu giá cổ phiếu tăng:

Nợ Tk Cổ phiếu: Chênh lệch giữa giá hiện tại và giá ghi sổ.

Có Tk Doanh thu tài chính (Nếu là năm giữ để kinh doanh): Chênh lệch giữa giá hiện tại và giá ghi sổ.

Có Tk VCSH (Nếu là tài sản tài chính khác): Chênh lệch giữa giá hiện tại và giá ghi sổ.

+ Nếu giá cổ phiếu giảm

Nợ TK Chi phí tài chính (Nếu là nắm giữ để kinh doanh): Chênh lệch giữa giá hiện tại và giá ghi sổ

Nợ TK VCSH (Nếu là tài sản tài chính khác): Chênh lệch giữa giá hiện tại và giá ghi sổ

Có Tk cổ phiếu: Chênh lệch giữa giá hiện tại và giá ghi sổ

Câu 12: Nêu đặc điểm đầu tư trái phiếu, đo lường giá trị ghi sổ khoản đầu tư trái phiếu và phương pháp hạch toán khoản đầu tư trái phiếu theo chế độ kế toán Việt Nam. So sánh với thông lệ quốc tế.

Trả lời:

Về đặc điểm khi đầu tư trái phiếu, trái phiếu là một chứng khoán nợ mà công ty phát hành sẽ có nghĩa vụ trả lãi (thường là cố định) hàng năm và trả gốc khi trái phiếu đáo hạn cho nhà đầu tư. Các khoản thanh toán lãi và gốc của trái phiếu được ưu tiên thanh toán trước cổ tức của cổ phiếu của công ty. Khi công ty bị phá sản, những nhà đầu tư trái phiếu cũng được ưu tiên thanh toán tài sản trước những cổ đông của công ty. Vì vậy, đầu tư vào trái phiếu sẽ an toàn hơn so với cổ phiếu và do vậy tỉ suất sinh lợi kì vọng của trái phiếu thường thấp hơn so với cổ phiếu.

Về đo lường giá trị ghi sổ trái phiếu và phương pháp hạch toán theo chế độ kế toán Việt Nam:

- Khi mua trái phiếu đầu tư:

Nợ TK 1212/2282: Giá mua trái phiếu + Chi phí phát sinh để mua

Có TK 111, 112

- Khi nhận lãi trái phiếu hàng năm:

Nợ TK 111, 112, 138

Có TK 515

- Khi trái phiếu đáo hạn:

Nợ TK 111, 112: Mệnh giá trái phiếu

Nợ TK 635: Nếu bị lỗ khi đầu tư vào trái phiếu

Có TK 1212/2282: Giá ghi sổ ban đầu

Có TK 515: Nếu được lãi khi đầu tư vào trái phiếu

So sánh với chuẩn mực kế toán quốc tế, chuẩn mực kế toán quốc tế hạch toán trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn theo phương pháp lãi suất thực (*effective rate method*). Ta lấy một ví dụ cụ thể để minh họa cho phương pháp này như sau: Một trái phiếu coupon X được công ty A phát hành có mệnh giá 100,000, lãi suất coupon 8%/năm, thời hạn 5 năm, lãi trái phiếu được trả vào cuối mỗi năm. Biết

ràng tỉ suất chiết khấu của trái phiếu là 10%/năm. Giả sử công ty B mua trái phiếu X và sẽ giữ nó đến ngày đáo hạn.

Lãi suất trái phiếu Cty B được trả mỗi năm = $100,000 \times 8\% = 8,000$

Số tiền Cty B phải bỏ ra để mua trái phiếu X = $8,000/1.1 + 8,000/1.1^2 + \dots + 8,000/1.1^5 + 100,000/1.1^5 = 92,418.426$. Như vậy Cty B mua trái phiếu với giá nhỏ hơn mệnh giá (chiết khấu).

Ta lập bảng sau:

Cuối năm	Lãi suất coupon (8%)	Lãi suất thực (10%)	Phân bổ chiết khấu	Giá trị trên sổ của trái phiếu
0	-	-	-	92,418.426
1	8,000	9,241.843	1,241.843	93,660.269
2	8,000	9,366.027	1,366.027	95,026.296
3	8,000	9,502.630	1,502.630	96,528.926
4	8,000	9,652.893	1,652.893	98,181.819
5	8,000	9,818.181	1,818.181	100,000.000

Định khoản đối với Cty B như sau:

- Năm 0 (Thời điểm mua trái phiếu):

Nợ TK Trái phiếu đầu tư: 92,418.426

Có TK Tiền: 92,418.426

- Năm 1:

Nợ TK Trái phiếu đầu tư: 1,241.843

Nợ TK Tiền: 8,000

Có TK Doanh thu tài chính: 9,241.843

- Năm 2,3,4: Tương tự như năm 1

- Năm 5:

+ Khi nhận lãi:

Nợ TK Trái phiếu đầu tư: 1,818.181

Có TK Tiền: 8,000

Có TK Doanh thu tài chính: 9,818.181

+ Khi nhận gốc:

Nợ TK Tiền: 100,000

Có TK Trái phiếu đầu tư: 100,000

Đối với những trái phiếu công ty mua để kinh doanh (held-for-trading bond), công ty sẽ ghi nhận theo giá trị hợp lý. Sự biến động của giá trị hợp lý trong thời gian nắm giữ sẽ được ghi nhận vào lãi lỗ trên báo cáo kết quả kinh doanh. Còn đối với những trái phiếu sẵn sàng để bán (available-for-sale bond), công ty cũng ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên sự biến động giá trị hợp lý không được ghi vào

báo cáo kết quả kinh doanh mà hạch toán vào tài khoản “chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính” (other comprehensive income).

Câu 13: Nêu đặc điểm khoản cho vay, đo lường giá trị ghi sổ khoản cho vay và phương pháp hạch toán khoản cho vay theo chế độ kế toán Việt Nam. So sánh với thông lệ quốc tế.

Trả lời:

a) *Đặc điểm khoản cho vay và phải thu*

- là TSTC phi phái sinh
- thuộc nhóm 3 trong 4 nhóm TSTC
- không được niêm yết trên thị trường nên tính thanh khoản thấp hơn so với TSTC ghi nhận theo GTHL
- thời điểm đáo hạn là không chính xác
- số tiền thu về không xác định
- VD: Phải thu KH (131), Ứng trước cho người bán (331), Phải thu khác (138), Kí cược, Kí quỹ ngắn hạn (144), dài hạn (244), Phải thu nội bộ (136)
- Lưu ý: khoản tạm ứng (141) là chi phí thực hiện công vụ, không tính là phải thu

b) *Đo lường giá trị ghi sổ*

- Đo lường ban đầu: theo Giá mua + chi phí giao dịch (chi phí mua)
- Đo lường sau ban đầu: sử dụng Giá trị phân bổ

Điều kiện để đánh giá lại:

- + Khi có bằng chứng chắc chắn về sự giảm giá trị đáng kể, ghi giảm giá trị thông qua TK dự phòng (ở VN) hoặc ghi giảm trực tiếp giá trị khoản cho vay đó (quốc tế)
- + Nếu không có bằng chứng chắc chắn thì có thể ước tính giá trị suy giảm dựa trên các TSTC có mức rủi ro tính dụng tương tự
- Chênh lệch giá trị ghi nhận: tính vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính

c) *Phương pháp hạch toán theo chế độ kế toán VN*

- Ghi nhận ban đầu:

Nợ TK Phải thu

Có TK Tiền...

- Ghi nhận sau ban đầu (Khi đánh giá lại giá trị của TSTC):

+ nếu tăng giá trị: không ghi nhận

+ nếu giảm giá trị:

Nợ TK Chi phí tài chính

Có TK Dự phòng giảm giá khoản phải thu

d) *So sánh với thông lệ quốc tế*

- Ghi nhận ban đầu: giống nhau
- Ghi nhận sau ban đầu (Khi đánh giá lại giá trị của TSTC):

+ nếu tăng giá trị:

Nợ TK Phải thu

Có TK Doanh thu tài chính

+ nếu giảm giá trị:

Nợ TK Chi phí tài chính

Có TK TK Phải thu

-Xóa bỏ khoản nợ phải thu: Giống nhau

Nợ TK Tiền

Có TK Phải thu

Câu 14: Nêu đặc điểm hợp đồng tương lai, nguyên tắc hạch toán hợp đồng tương lai cho mục đích kinh doanh

Trả lời:

1. Khái niệm

a) Theo wikipedia:

A futures contract (more colloquially, futures) is a standardized contract between two parties to buy or sell a specified asset of standardized quantity and quality for a price agreed upon today (the futures price or strike price) with delivery and payment occurring at a specified future date, the delivery date.

b) Theo từ điển investopedia:

Future is a contractual agreement, generally made on the trading floor of a futures exchange, to buy or sell a particular commodity or financial instrument at a pre-determined price in the future. Futures contracts detail the quality and quantity of the underlying asset; they are standardized to facilitate trading on a futures exchange. Some futures contracts may call for physical delivery of the asset, while others are settled in cash.

Đơn giản hơn nữa :

Future is an agreement to buy or sell a specific amount of a commodity or financial instrument at a particular price on a stipulated future date; the contract can be sold before the settlement date.

c) Theo quy định của Bộ tài chính (Dự thảo Thông tư hướng dẫn kế toán công cụ tài chính phái sinh)

Hợp đồng tương lai: Là một thoả thuận ràng buộc mang tính pháp lý giữa các bên để mua hoặc bán một số tài sản, nghĩa vụ phải trả hoặc công cụ tài chính nhất định vào một thời điểm xác định trong tương lai với mức giá niêm yết tại ngày giao dịch, được chuẩn hoá theo quy định và được giao dịch trên sàn giao dịch tập trung.

Nói cách khác, hợp đồng tương lai (futures contract) là một hợp đồng chuẩn hóa giữa hai bên được tiến hành chủ yếu trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc sàn

giao dịch tương lai nhằm trao đổi một tài sản cụ thể có chất lượng và khối lượng chuẩn hóa với giá thỏa thuận hôm nay nhưng lại giao hàng vào một thời điểm cụ thể trong tương lai (ngày giao hàng).

2. Đặc điểm

Các hợp đồng này được giao dịch thông qua sàn giao dịch tương lai (futures exchange). Một bên đồng ý mua tài sản cơ sở trong tương lai, còn một bên đồng ý bán trong tương lai. Hợp đồng này phản ánh kỳ vọng của các bên - người bán hy vọng giá hàng hóa sẽ giảm, còn người mua hy vọng giá hàng hóa sẽ tăng.

Tài sản cơ sở trong hợp đồng tương lai có thể hoàn toàn không phải là "hàng hóa" truyền thống - nghĩa là, đối với hợp đồng tài chính tương lai, tài sản hoặc mặt hàng cơ sở có thể là các loại tiền tệ, chứng khoán hay công cụ tài chính và tài sản vô hình hoặc các khoản mục tham chiếu như chỉ số chứng khoán và lãi suất.

Việc mua bán đòi hỏi cả hai bên đặt cọc một khoản tiền ban đầu, gọi là tiền ký quỹ. Do giá tương lai thay đổi hàng ngày nên mức chênh lệch giữa giá đã ấn định trước và giá tương lai mỗi ngày cũng được tính toán hàng ngày. Trung tâm giao dịch sẽ rút tiền trong tài khoản ký quỹ của một bên và chuyển vào tài khoản của bên kia, sao cho mỗi bên sẽ nhận được khoản lãi hay lỗ thích hợp mỗi ngày. Nếu tài khoản ký quỹ xuống thấp hơn một giá trị nào đó thì người ta sẽ yêu cầu thêm khoản ký quỹ và chủ sở hữu sẽ phải bổ sung thêm tiền vào tài khoản này. Do đó, vào ngày giao hàng, số tiền mua bán không phải theo giá ghi trong hợp đồng mà là giá trị giao ngay .

3. Nguyên tắc kế toán hợp đồng tương lai

1 - Tại thời điểm hợp đồng có hiệu lực: Khi tham gia vào hợp đồng tương lai, kế toán căn cứ vào thông báo của nhà môi giới về số tiền ký quỹ ban đầu phải nộp để ghi nhận số tiền ký quỹ ban đầu mở tại tài khoản ký quỹ ở nhà môi giới là tài sản phái sinh. Phí môi giới phải trả cho nhà môi giới (nếu có) được ghi nhận toàn bộ vào chi phí tài chính trong kỳ phát sinh.

2 - Khi có sự biến động về giá cả hàng hoá, chứng khoán, lãi suất, tỷ giá hối đoái trên thị trường, căn cứ thông báo của sàn giao dịch hoặc nhà môi giới, kế toán ghi nhận khoản biến động về tiền ký quỹ theo nguyên tắc:

- Trường hợp doanh nghiệp sử dụng hợp đồng tương lai cho mục đích kinh doanh, khoản biến động về tiền ký quỹ được hạch toán ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu tăng) hoặc chi phí tài chính (nếu giảm);

3 – Khi số dư tài khoản ký quỹ thấp hơn mức ký quỹ tối thiểu theo quy định của sàn giao dịch hoặc nhà môi giới, doanh nghiệp phải ghi nhận số tiền nộp bổ sung vào tài khoản ký quỹ để duy trì số dư tài khoản ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ tối thiểu.

4 – Khi thanh lý hợp đồng tương lai, kế toán thu hồi lại số dư tiền ký quỹ và ghi giảm tài khoản ký quỹ.

5 - Trường hợp hợp đồng tương lai hàng hoá quy định có sự chuyển giao hàng hoá hiện vật, bên bán phải ghi nhận doanh thu bán hàng, bên mua phải ghi nhận hàng tồn kho theo giá niêm yết của hàng hoá trên sàn giao dịch. Việc thanh toán tiền mua hàng giữa các bên được thực hiện thông qua tài khoản ký quỹ

Câu 15: Nêu đặc điểm hợp đồng tương lai, nguyên tắc hạch toán hợp đồng tương lai cho mục đích phòng ngừa rủi ro

Trả lời:

1. Khái niệm

a) Theo wikipedia:

A futures contract (more colloquially, futures) is a standardized contract between two parties to buy or sell a specified asset of standardized quantity and quality for a price agreed upon today (the futures price or strike price) with delivery and payment occurring at a specified future date, the delivery date.

b) Theo từ điển .investopedia:

Future is a contractual agreement, generally made on the trading floor of a futures exchange, to buy or sell a particular commodity or financial instrument at a pre-determined price in the future. Futures contracts detail the quality and quantity of the underlying asset; they are standardized to facilitate trading on a futures exchange. Some futures contracts may call for physical delivery of the asset, while others are settled in cash.

Đơn giản hơn nữa :

Future is an agreement to buy or sell a specific amount of a commodity or financial instrument at a particular price on a stipulated future date; the contract can be sold before the settlement date.

c) Theo quy định của Bộ tài chính (Dự thảo Thông tư hướng dẫn kế toán công cụ tài chính phái sinh)

Hợp đồng tương lai: Là một thoả thuận ràng buộc mang tính pháp lý giữa các bên để mua hoặc bán một số tài sản, nghĩa vụ phải trả hoặc công cụ tài chính nhất định vào một thời điểm xác định trong tương lai với mức giá niêm yết tại ngày giao dịch, được chuẩn hoá theo quy định và được giao dịch trên sàn giao dịch tập trung.

Nói cách khác, hợp đồng tương lai (futures contract) là một hợp đồng chuẩn hóa giữa hai bên được tiến hành chủ yếu trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc sàn giao dịch tương lai nhằm trao đổi một tài sản cụ thể có chất lượng và khối lượng chuẩn hóa với giá thỏa thuận hôm nay nhưng lại giao hàng vào một thời điểm cụ thể trong tương lai (ngày giao hàng).

2. Đặc điểm

Các hợp đồng này được giao dịch thông qua sàn giao dịch tương lai (futures exchange). Một bên đồng ý mua tài sản cơ sở trong tương, còn một bên đồng ý bán trong tương lai. Hợp đồng này phản ánh kỳ vọng của các bên - người bán hy vọng giá hàng hóa sẽ giảm, còn người mua hy vọng giá hàng hóa sẽ tăng.

Tài sản cơ sở trong hợp đồng tương lai có thể hoàn toàn không phải là "hàng hóa" truyền thống - nghĩa là, đối với hợp đồng tài chính tương lai, tài sản hoặc mặt hàng cơ sở có thể là các loại tiền tệ, chứng khoán hay công cụ tài chính và tài sản vô hình hoặc các khoản mục tham chiếu như chỉ số chứng khoán và lãi suất.

Việc mua bán đòi hỏi cả hai bên đặt cọc một khoản tiền ban đầu, gọi là tiền ký quỹ. Do giá tương lai thay đổi hàng ngày nên mức chênh lệch giữa giá đã ấn định trước và giá tương lai mỗi ngày cũng được tính toán hàng ngày. Trung tâm giao dịch sẽ rút tiền trong tài khoản ký quỹ của một bên và chuyển vào tài khoản của bên kia, sao cho mỗi bên sẽ nhận được khoản lãi hay lỗ thích hợp mỗi ngày. Nếu tài khoản ký quỹ xuống thấp hơn một giá trị nào đó thì người ta sẽ yêu cầu thêm khoản ký quỹ và chủ sở hữu sẽ phải bổ sung thêm tiền vào tài khoản này. Do đó, vào ngày giao hàng, số tiền mua bán không phải theo giá ghi trong hợp đồng mà là giá trị giao ngay.

3. Nguyên tắc kế toán hợp đồng tương lai

1 - Tại thời điểm hợp đồng có hiệu lực: Khi tham gia vào hợp đồng tương lai, kế toán căn cứ vào thông báo của nhà môi giới về số tiền ký quỹ ban đầu phải nộp để ghi nhận số tiền ký quỹ ban đầu mở tại tài khoản ký quỹ ở nhà môi giới là tài sản phái sinh. Phí môi giới phải trả cho nhà môi giới (nếu có) được ghi nhận toàn bộ vào chi phí tài chính trong kỳ phát sinh.

2 - Khi có sự biến động về giá cả hàng hóa, chứng khoán, lãi suất, tỷ giá hối đoái trên thị trường, căn cứ thông báo của sàn giao dịch hoặc nhà môi giới, kế toán ghi nhận khoản biến động về tiền ký quỹ theo nguyên tắc:

- Trường hợp doanh nghiệp sử dụng hợp đồng tương lai cho mục đích phòng ngừa rủi ro, khoản biến động về tiền ký quỹ được hạch toán là khoản chênh lệch đánh giá lại hợp đồng tương lai trong phần vốn chủ sở hữu.

3 - Khi số dư tài khoản ký quỹ thấp hơn mức ký quỹ tối thiểu theo quy định của sàn giao dịch hoặc nhà môi giới, doanh nghiệp phải ghi nhận số tiền nộp bổ sung vào tài khoản ký quỹ để duy trì số dư tài khoản ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ tối thiểu.

4 - Khi thanh lý hợp đồng tương lai, kế toán thu hồi lại số dư tiền ký quỹ và ghi giảm tài khoản ký quỹ.

5 - Trường hợp hợp đồng tương lai sử dụng với mục đích phòng ngừa rủi ro, khi thanh lý hợp đồng tương lai hoặc khi giao dịch dự kiến xảy ra, kế toán phải kết chuyển khoản biến động về tiền ký quỹ thuần đang được theo dõi trong phần vốn chủ sở hữu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc:

- Đối với hợp đồng lãi suất tương lai, khoản biến động về tiền ký quỹ thuận đang được theo dõi trong phần vốn chủ sở hữu được kết chuyển vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính;

- Đối với hợp đồng hàng hoá tương lai, khoản biến động về tiền ký quỹ thuận đang được theo dõi trong phần vốn chủ sở hữu được kết chuyển vào giá vốn hàng bán.

6 - Trường hợp hợp đồng tương lai hàng hoá quy định có sự chuyển giao hàng hoá hiện vật, bên bán phải ghi nhận doanh thu bán hàng, bên mua phải ghi nhận hàng tồn kho theo giá niêm yết của hàng hoá trên sàn giao dịch. Việc thanh toán tiền mua hàng giữa các bên được thực hiện thông qua tài khoản ký quỹ

Câu 16: Nêu đặc điểm hợp đồng kỳ hạn, nguyên tắc hạch toán hợp đồng kỳ hạn cho mục đích phòng ngừa rủi ro

Trả lời:

1. Khái niệm:

Hợp đồng kì hạn là một thoả thuận giữa hai bên về việc mua hay bán một tài sản nào đó với khối lượng xác định, tại một thời điểm xác định trong tương lai với một mức giá ấn định ngày hôm nay. Hai bên chịu sự ràng buộc pháp lý chặt chẽ phải thực hiện nghĩa vụ hợp đồng, trừ khi cả hai bên thoả thuận huỷ hợp đồng.

2. Đặc điểm của hợp đồng kỳ hạn:

- Là thỏa thuận song phương giữa hai chủ thể cho nên nó không bị giới hạn về các yếu tố trên HĐ. Hai bên tự do thỏa thuận với nhau dựa vào nhu cầu của bản thân. Nghĩa là muốn mua bao nhiêu tài sản, bán bao nhiêu tài sản, giá cả như thế nào, thời gian ra sao mà không bị giám sát bởi bên thứ 3. (Đặc điểm này giúp phân biệt HĐKH với HĐ tương lai)

- Tham gia hợp đồng kỳ hạn, cả hai bên đều giới hạn được rủi ro tiềm năng cũng như hạn chế lợi nhuận tiềm năng của mình do giá hàng hóa trên thị trường giao ngay vào thời điểm giao nhận hàng hóa có thể thay đổi, tăng lên hoặc giảm xuống so với mức giá đã ký kết trong hợp đồng, khi đó một trong hai bên sẽ bị thiệt hại.

- HĐKH giao dịch trên thị trường phi chính thức

- Bất kì ai cũng có thể tham gia thị trường

- HĐKH có tính thanh khoản không cao do 2 bên chịu sự ràng buộc pháp lý chặt chẽ phải thực hiện hợp đồng, trừ khi cả hai bên thoả thuận huỷ hợp đồng.

- Kết quả chỉ được xác định vào thời điểm kết thúc HĐ

3. Nguyên tắc hạch toán hợp đồng kỳ hạn cho mục đích phòng ngừa rủi ro

- Tại thời điểm hợp đồng kỳ hạn có hiệu lực, cả bên mua và bên bán hợp đồng kỳ hạn căn cứ giá trị cam kết danh nghĩa của hợp đồng kỳ hạn đã ký kết để ghi nhận vào tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán.
- Khi lập báo cáo tài chính, trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực, kế toán phải đánh giá lại hợp đồng kỳ hạn và ghi nhận giá trị hiện tại của số tiền ước tính phải thu hoặc số tiền ước tính phải trả từ thời điểm báo cáo đến thời điểm đáo hạn hợp đồng là tài sản phải sinh hoặc nợ phải trả phải sinh và ghi nhận vào chênh lệch đánh giá lại tài sản.
- Khi thanh lý hợp đồng kỳ hạn, kế toán thực hiện theo những nguyên tắc sau:

- Trường hợp thanh toán trên cơ sở thuần (thanh toán chênh lệch giữa số phải thu và phải trả, không bao gồm chuyển giao tài sản cơ sở), kế toán phải ghi nhận số tiền phải thu hoặc phải trả từ hợp đồng kỳ hạn, ghi giảm tài sản hoặc nợ phải trả phải sinh và xóa sổ toàn bộ khoản chênh lệch đánh giá lại hợp đồng kỳ hạn.

- Trường hợp có sự chuyển giao hiện vật (tài sản cơ sở) giữa bên mua và bên bán hợp đồng kỳ hạn, kế toán phải áp dụng phương pháp kế toán riêng cho bên mua và bên bán đồng thời căn cứ vào loại giao dịch phải sinh để ghi nhận cho từng trường hợp cụ thể.

+ Đối với bên mua hợp đồng kỳ hạn:

Đối với hợp đồng kỳ hạn tiền tệ, kế toán ghi nhận số ngoại tệ mua kỳ hạn theo tỷ giá thực tế giao ngay của ngoại tệ tại thời điểm thanh lý hợp đồng;

Đối với hợp đồng kỳ hạn hàng hoá, kế toán ghi nhận số hàng mua kỳ hạn theo giá trị thị trường của hàng hóa tại thời điểm thanh lý đáo hạn hợp đồng.

+ Đối với bên bán hợp đồng kỳ hạn:

Đối với hợp đồng kỳ hạn tiền tệ, kế toán ghi nhận số tiền thu được từ việc bán ngoại tệ kỳ hạn theo tỷ giá kỳ hạn cam kết;

Đối với hợp đồng kỳ hạn hàng hoá, kế toán ghi nhận doanh thu của số hàng bán kỳ hạn theo giá trị thị trường của hàng hóa tại thời điểm đáo hạn hợp đồng kỳ hạn.

- Khi giao dịch dự kiến đã xảy ra, kế toán kết chuyển khoản đánh giá lại hợp đồng kỳ hạn đang được ghi nhận trong phần vốn chủ sở hữu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với kỳ các khoản lãi vay được thanh toán hoặc hàng hoá được tiêu thụ.

Câu 17: Nêu đặc điểm hợp đồng kỳ hạn, nguyên tắc hạch toán hợp đồng kỳ hạn cho mục đích thương mại?

Trả lời:

1. Khái niệm:

Hợp đồng kì hạn là một thoả thuận giữa hai bên về việc mua hay bán một tài sản nào đó với khối lượng xác định, tại một thời điểm xác định trong tương lai với một mức giá ấn định ngày hôm nay. Hai bên chịu sự ràng buộc pháp lý chặt chẽ phải thực hiện nghĩa vụ hợp đồng, trừ khi cả hai bên thoả thuận huỷ hợp đồng.

2. Đặc điểm của hợp đồng kỳ hạn:

- Là thỏa thuận song phương giữa hai chủ thể cho nên nó không bị giới hạn về các yếu tố trên HĐ. Hai bên tự do thỏa thuận với nhau dựa vào nhu cầu của bản thân. Nghĩa là muốn mua bao nhiêu tài sản, bán bao nhiêu tài sản, giá cả như thế nào, thời gian ra sao mà không bị giám sát bởi bên thứ 3. (Đặc điểm này giúp phân biệt HĐKH với HĐ tương lai)
- Tham gia hợp đồng kỳ hạn, cả hai bên đều giới hạn được rủi ro tiềm năng cũng như hạn chế lợi nhuận tiềm năng của mình do giá hàng hóa trên thị trường giao ngay vào thời điểm giao nhận hàng hóa có thể thay đổi, tăng lên hoặc giảm xuống so với mức giá đã ký kết trong hợp đồng, khi đó một trong hai bên sẽ bị thiệt hại.
- HĐKH giao dịch trên thị trường phi chính thức
- Bất kì ai cũng có thể tham gia thị trường
- HĐKH có tính thanh khoản không cao do 2 bên chịu sự ràng buộc pháp lý chặt chẽ phải thực hiện hợp đồng, trừ khi cả hai bên thỏa thuận huỷ hợp đồng.
- Kết quả chỉ được xác định vào thời điểm kết thúc HĐ

3. Nguyên tắc hạch toán hợp đồng kỳ hạn cho mục đích thương mại:

- * Hợp đồng kỳ hạn cho mục đích thương mại được xếp vào nhóm tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Doanh nghiệp phải ghi nhận ngay các khoản lãi, lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị hợp lý của tài sản phải sinh hoặc nợ phải trả phải sinh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- * Tại thời điểm hợp đồng kỳ hạn có hiệu lực, cả bên mua và bên bán hợp đồng kỳ hạn căn cứ giá trị cam kết danh nghĩa của hợp đồng kỳ hạn đã ký kết để ghi nhận vào tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán.
- * Khi lập báo cáo tài chính, trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực, kế toán phải đánh giá lại hợp đồng kỳ hạn và ghi nhận giá trị hiện tại của số tiền ước tính phải

thu hoặc số tiền ước tính phải trả từ thời điểm báo cáo đến thời điểm đáo hạn hợp đồng là tài sản phải sinh hoặc nợ phải trả phải sinh và ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

* Khi thanh lý hợp đồng kỳ hạn kế toán thực hiện theo những nguyên tắc sau:

- Trường hợp thanh toán trên cơ sở thuần (thanh toán chênh lệch giữa số phải thu và phải trả, không bao gồm chuyển giao tài sản cơ sở), kế toán phải ghi nhận số tiền phải thu hoặc phải trả từ hợp đồng kỳ hạn, ghi giảm tài sản hoặc nợ phải trả phải sinh và ghi khoản lãi, lỗ vào doanh thu, chi phí tài chính.
- Trường hợp có sự chuyển giao hiện vật (tài sản cơ sở) giữa bên mua và bên bán hợp đồng kỳ hạn, kế toán phải áp dụng phương pháp kế toán riêng cho bên mua và bên bán:

+ Đối với bên mua hợp đồng kỳ hạn:

Đối với hợp đồng kỳ hạn tiền tệ, kế toán ghi nhận số ngoại tệ mua kỳ hạn theo tỷ giá thực tế giao ngày của ngoại tệ tại thời điểm thanh lý hợp đồng.

Đối với hợp đồng kỳ hạn hàng hóa, kế toán ghi nhận số hàng mua kỳ hạn theo giá thị trường của hàng hóa tại thời điểm thanh lý đáo hạn hợp đồng.

Khoản chênh lệch ghi vào doanh thu, chi phí hoạt động tài chính. Đồng thời ghi giảm hợp đồng kỳ hạn.

+ Đối với bên bán hợp đồng kỳ hạn:

Đối với hợp đồng kỳ hạn tiền tệ, kế toán ghi nhận số tiền thu được từ việc bán ngoại tệ kỳ hạn theo tỷ giá kỳ hạn cam kết.

Đối với hợp đồng kỳ hạn hàng hóa, kế toán ghi nhận doanh thu của số hàng bán kỳ hạn theo giá thị trường của hàng hóa tại thời điểm đáo hạn hợp đồng.

Khoản chênh lệch ghi vào doanh thu, chi phí hoạt động tài chính. Đồng thời ghi giảm hợp đồng kỳ hạn.

Câu 18: Nêu đặc điểm hợp đồng quyền chọn, nguyên tắc hạch toán hợp đồng quyền chọn cho mục đích phòng ngừa rủi ro

Trả lời:

A. Đặc điểm hợp đồng quyền chọn

- Không bắt buộc các bên phải giao sản phẩm.

- Chỉ quy định quyền giao hay nhận, mà không bắt buộc thực hiện nghĩa vụ của mình.

- Người mua có quyền thực hiện quyền chọn hay bán quyền cho người khác hoặc không tiến hành thực hiện quyền chọn mà để cho hợp đồng tự động hết hạn. Để thực hiện quyền này, khi ký kết hợp đồng người mua phải trả quyền phí (option premium) (quyền phí phụ thuộc vào giá trị nội tại của hợp đồng quyền chọn, giá trị ngoại lai (giá trị thời gian Option Time Value) của hợp đồng quyền chọn, thời hạn đến hạn của hợp đồng quyền chọn,..)

B. Nguyên tắc hạch toán

Trong hợp đồng quyền chọn, bên mua quyền chọn được áp dụng kế toán phòng ngừa rủi ro hoặc kế toán quyền chọn sử dụng cho mục đích kinh doanh tùy thuộc vào mục đích nắm giữ hợp đồng quyền chọn. Bên bán quyền chọn không được áp dụng kế toán phòng ngừa rủi ro mà chỉ được kế toán quyền chọn sử dụng cho mục đích kinh doanh. Đối với sản phẩm quyền chọn lãi suất và quyền chọn tiền tệ, các doanh nghiệp phi ngân hàng và tổ chức tài chính chỉ áp dụng kế toán đối với bên mua quyền chọn, không áp dụng kế toán đối với bên bán quyền chọn.

Với bên mua quyền chọn:

- a - Tại thời điểm hợp đồng có hiệu lực, bên mua quyền chọn ghi nhận khoản phí quyền chọn đã trả cho bên bán, ghi tăng tài sản quyền chọn
- b - Định kỳ, khi lập báo cáo tài chính, kế toán phải đánh giá lại giá trị hợp lý quyền chọn và xác định riêng giá trị thời gian và giá trị nội tại của quyền chọn.
 - Khoản giảm về giá trị thời gian hợp đồng quyền chọn được ghi nhận vào chi phí tài chính (đối với quyền chọn lãi suất, quyền chọn tiền tệ và quyền chọn chứng khoán) và ghi nhận vào giá vốn hàng bán (đối với quyền chọn hàng hoá)
 - Đối với thay đổi trong giá trị nội tại hợp đồng quyền chọn: Kế toán căn cứ chênh lệch giữa giá trị nội tại hợp đồng quyền chọn tại thời điểm báo cáo và giá trị nội tại hợp đồng quyền chọn tại thời điểm đầu kỳ để ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.
- c - Khi thực hiện quyền chọn, kế toán phải áp dụng phương pháp kế toán phù hợp với hình thức thanh toán quyền chọn và loại quyền chọn (quyền chọn mua hoặc quyền chọn bán).
 - c1 - Trường hợp thanh toán trên cơ sở thuần, kế toán ghi nhận số tiền thu được từ việc thực hiện quyền chọn và ghi giảm tài sản quyền chọn. Khi giao dịch dự kiến xảy ra, kế toán kết chuyển khoản chênh lệch đánh giá lại hợp đồng quyền chọn tương ứng với đối tượng được phòng ngừa rủi ro vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
 - c2 - Trường hợp có sự chuyển giao tài sản cơ sở là hiện vật, kế toán phải xác định phương pháp kế toán riêng rẽ đối với quyền chọn mua và quyền chọn bán.
 - Đối với quyền chọn bán
 - + Đối với quyền chọn bán tiền tệ, kế toán ghi nhận số tiền thu được từ việc bán ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện quyền chọn đồng thời kết chuyển khoản chênh lệch đánh giá lại hợp đồng quyền chọn vào doanh thu hoạt động tài chính;
 - + Đối với quyền chọn bán hàng hoá, kế toán ghi nhận số tiền thu được từ việc bán hàng hoá theo giá thực hiện quyền chọn đồng thời ghi giảm khoản chênh lệch đánh giá lại hợp đồng quyền chọn tương ứng với tài sản quyền chọn vào doanh thu hoạt động tài chính.

+ Đối với quyền chọn bán chứng khoán, kế toán ghi nhận số tiền thu được từ việc bán chứng khoán theo giá thực hiện quyền chọn đồng thời kết chuyển khoản chênh lệch đánh giá lại hợp đồng quyền chọn vào doanh thu hoạt động tài chính.

d - Khi hợp đồng quyền chọn đáo hạn, nếu không thực hiện quyền chọn, kế toán ghi giảm tài sản quyền chọn tương ứng với số tiền thu về (nếu có).

Câu 19: Nêu đặc điểm hợp đồng quyền chọn, nguyên tắc hạch toán hợp đồng quyền chọn cho mục đích thương mại

A. Đặc điểm hợp đồng quyền chọn

- Không bắt buộc các bên phải giao sản phẩm.

- Chỉ quy định quyền giao hay nhận, mà không bắt buộc thực hiện nghĩa vụ của mình.

- Người mua có quyền thực hiện quyền chọn hay bán quyền cho người khác hoặc không tiến hành thực hiện quyền chọn mà để cho hợp đồng tự động hết hạn. Để thực hiện quyền này, khi ký kết hợp đồng người mua phải trả quyền phí (option premium) (quyền phí phụ thuộc vào giá trị nội tại của hợp đồng quyền chọn, giá trị ngoại lai (giá trị thời gian Option Time Value) của hợp đồng quyền chọn, thời hạn đến hạn của hợp đồng quyền chọn,...)

B. Nguyên tắc hạch toán

Trong hợp đồng quyền chọn, bên mua quyền chọn được áp dụng kế toán phòng ngừa rủi ro hoặc kế toán quyền chọn sử dụng cho mục đích kinh doanh tùy thuộc vào mục đích nắm giữ hợp đồng quyền chọn. Bên bán quyền chọn không được áp dụng kế toán phòng ngừa rủi ro mà chỉ được kế toán quyền chọn sử dụng cho mục đích kinh doanh. Đối với sản phẩm quyền chọn lãi suất và quyền chọn tiền tệ, các doanh nghiệp phi ngân hàng và tổ chức tài chính chỉ áp dụng kế toán đối với bên mua quyền chọn, không áp dụng kế toán đối với bên bán quyền chọn.

1 - Đối với bên bán quyền chọn

1.1 - Tại thời điểm hợp đồng quyền chọn có hiệu lực, bên bán quyền chọn ghi nhận khoản phí quyền chọn thu được từ bên mua và ghi nhận nghĩa vụ phải trả đối với hợp đồng quyền chọn.

1.2 - Khi lập báo cáo tài chính, kế toán căn cứ chênh lệch giữa giá trị hợp lý quyền chọn tại thời điểm báo cáo và giá trị ghi sổ quyền chọn để ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

1.3 - Khi người mua thực hiện quyền chọn, kế toán phải áp dụng phương pháp kế toán phù hợp với hình thức thanh toán và loại quyền chọn (quyền chọn mua hoặc quyền chọn bán).

- Trường hợp thanh toán trên cơ sở thuần, kế toán phải ghi giảm nghĩa vụ phải trả đối với hợp đồng quyền chọn tương ứng với số tiền trả cho người mua

- Trường hợp có sự chuyển giao hiện vật trong hợp đồng quyền chọn hàng hoá, chứng khoán, kế toán phải ghi nhận doanh thu bán hàng hoá, chứng khoán theo giá trị thị trường của hàng hoá, chứng khoán (đối với quyền chọn bán) và ghi nhận số hàng hoá, chứng khoán mua vào theo giá trị thị trường (đối với quyền chọn mua) đồng thời ghi giảm nghĩa vụ phải trả đối với hợp đồng quyền chọn.

1.4 - Khi hợp đồng quyền chọn hết hạn mà người mua không thực hiện quyền chọn, kế toán ghi giảm nghĩa vụ phải trả đối với hợp đồng quyền chọn và kết chuyển giá trị ghi sổ quyền chọn vào doanh thu hoạt động tài chính.

2. Đối với bên mua quyền chọn

a - Tại thời điểm hợp đồng có hiệu lực, bên mua quyền chọn ghi nhận khoản phí quyền chọn đã trả cho bên bán, ghi tăng tài sản quyền chọn.

b - Khi lập báo cáo tài chính, kế toán căn cứ chênh lệch giữa giá trị hợp lý quyền chọn tại thời điểm báo cáo và giá trị ghi sổ quyền chọn để ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Khi nắm giữ quyền chọn cho mục đích kinh doanh, kế toán không phải ghi nhận riêng rẽ sự thay đổi trong giá trị thời gian và giá trị nội tại của quyền chọn.

c - Khi thực hiện quyền chọn, kế toán phải áp dụng phương pháp kế toán phù hợp với hình thức thanh toán quyền chọn và loại quyền chọn (quyền chọn mua hoặc quyền chọn bán).

- Trường hợp thanh toán trên cơ sở thuần, kế toán phải giảm tài sản quyền chọn tương ứng với số tiền nhận được. Trường hợp này, kế toán không phải xác định riêng rẽ quyền chọn mua hay quyền chọn bán.

- Trường hợp có sự chuyển giao hiện vật, kế toán phải xác định phương pháp kế toán riêng rẽ đối với quyền chọn mua và quyền chọn bán.

+ Đối với quyền chọn bán, ghi nhận số tiền thu được từ việc bán ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện quyền chọn (đối với quyền chọn bán tiền tệ); Ghi nhận doanh thu bán hàng hoá, chứng khoán theo giá trị thị trường (đối với quyền chọn bán hàng hoá, chứng khoán)+ Đối với quyền chọn mua, kế toán ghi nhận số tiền phải trả từ việc mua ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện quyền chọn (đối với quyền chọn mua tiền tệ); Ghi nhận giá trị hàng hoá, chứng khoán mua vào theo giá trị thị trường và ghi nhận số tiền phải trả theo giá thực hiện quyền chọn (đối với quyền chọn mua hàng hoá, chứng khoán)

d - Trường hợp không thực hiện quyền chọn, kế toán phải ghi giảm tài sản quyền chọn và ghi nhận chi phí tài chính là khoản lỗ từ hợp đồng quyền chọn

Câu 20: Nêu đặc điểm hợp đồng hoán đổi, nguyên tắc hạch toán hợp đồng hoán đổi cho mục đích phòng ngừa rủi ro

Trả lời:

Đặc điểm, bản chất hợp đồng hoán đổi

- Các hợp đồng hoán đổi đều có đặc điểm chung là một bên đổi lợi ích của nó trên một thị trường tài chính này để lấy lợi ích của bên khác trên một thị trường tài chính khác. Các hợp đồng hoán đổi thường được dùng để phòng ngừa các loại rủi ro tài chính (như rủi ro về lãi suất thay đổi, rủi ro về tỉ giá, rủi ro về giá cổ phiếu), để hưởng các ưu đãi dành cho các công ty trong nước, hoặc để nhằm mục đích đầu cơ

- Các hoán đổi thông thường không có các thanh toán bằng tiền mặt giữa hai bên, do đó các hoán đổi có giá trị ban đầu bằng 0.

- Các hợp đồng hoán đổi được thực hiện theo nguyên tắc bù trừ sẽ giúp giảm rủi ro tín dụng bằng cách cắt giảm khối lượng đồng tiền thanh toán giữa hai bên

- Hợp đồng hoán đổi chỉ được giao dịch trên thị trường phi tập trung(OTC) bằng phương thức thỏa thuận giữa các bên. Vì vậy các bên tham gia hợp đồng hoán đổi thường biết rõ lẫn nhau và chủ yếu là doanh nghiệp, tập đoàn và tổ chức tài chính

- Về bản chất, việc hoán đổi được dựa vào nhu cầu nhận/hoặc chi trả luồng tiền của từng bên nhằm mục đích chủ yếu là ngăn ngừa rủi ro cho hoạt động kinh doanh. Thông qua hoán đổi, người ta có thể chuyển dịch rủi ro từ một thị trường hay từ 1 loại tiền tệ này sang thị trường hay tiền tệ khác.

- Cũng giống như hợp đồng kì hạn và hợp đồng tương lai, hợp đồng hoán đổi được dùng để phòng ngừa rủi ro hối đoái. Thông qua hợp đồng hoán đổi, các bên tham gia có được ngoại tệ mình mong muốn ở cùng tỷ giá mà không phải mua bán qua ngân hàng nên tránh được rủi ro do biến động tỉ giá và chênh lệch giữa giá mua và giá bán. Tuy nhiên điểm khác nhau giữa hợp đồng hoán đổi với hợp đồng kì hạn và tương lai đó là các hợp đồng kì hạn và tương lai được dùng để phòng ngừa rủi ro trong ngắn hạn thì hợp đồng hoán đổi lại chủ yếu để phòng ngừa rủi ro trong dài hạn, thường trên 2 năm.

Nguyên tắc hạch toán hợp đồng hoán đổi cho mục đích phòng ngừa rủi ro

Hợp đồng hoán đổi lãi suất và hàng hoá	Hợp đồng hoán đổi tiền tệ:
- <i>Tại thời điểm hợp đồng hoán đổi có hiệu lực</i> , kế toán phản ánh giá trị cam kết danh nghĩa hoán đổi ở tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán.	- <i>Tại thời điểm hợp đồng có hiệu lực</i> , kế toán phải ghi nhận số tiền gốc mang đi hoán đổi là khoản đầu tư; Số tiền gốc nhận về được ghi nhận là khoản đi vay. Số tiền gốc mang đi trao đổi (nếu là ngoại tệ) được ghi nhận theo tỷ giá ghi sổ; Số tiền gốc nhận về (nếu là ngoại tệ) được ghi nhận theo tỷ giá thực tế giao ngay hoặc tỷ giá bình quân liên ngân

	hàng.
<p>– Định kỳ, kế toán căn cứ vào khoản chênh lệch giữa số tiền phải trả hoặc số tiền được nhận từ hợp đồng hoán đổi trong kỳ để ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.</p>	<p>– Định kỳ, kế toán ghi nhận số tiền lãi phải trả theo hợp đồng hoán đổi là chi phí tài chính; Số tiền lãi nhận về từ hợp đồng hoán đổi được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.</p>
<p>- Khi lập báo cáo tài chính, trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực, kế toán phải đánh giá lại hợp đồng hoán đổi và ghi nhận giá trị hiện tại của khoản chênh lệch giữa số tiền ước tính phải thu và số tiền ước tính phải trả từ thời điểm báo cáo đến thời điểm đáo hạn hợp đồng là tài sản phải sinh hoặc nợ phải trả phải sinh.</p> <p>- Trường hợp hợp đồng hoán đổi sử dụng cho mục đích phòng ngừa rủi ro, kế toán ghi nhận khoản chênh lệch đánh giá lại hợp đồng hoán đổi vào vào vốn chủ sở hữu;</p>	<p>– Khi lập báo cáo tài chính, kế toán phải đánh giá lại giá trị hợp lý hợp đồng hoán đổi là chênh lệch giữa giá trị hiện tại của số tiền mang đi trao đổi và số tiền nhận về từ việc hoán đổi để ghi nhận là tài sản phải sinh hoặc nợ phải trả phải sinh.</p> <p>-Đối với hợp đồng hoán đổi nắm giữ cho mục đích phòng ngừa rủi ro, kế toán ghi nhận khoản đánh giá lại giá trị hợp lý vào vốn chủ sở hữu;</p>
<p>– Khi đáo hạn hợp đồng hoán đổi, việc thanh toán giữa các bên chỉ được thực hiện trên cơ sở thuần (thanh toán khoản chênh lệch giữa số tiền phải thu và số tiền phải trả), không có sự chuyển giao hiện vật (số tiền cho vay hoặc hàng hoá), kế toán phải ghi giảm toàn bộ số dư tài sản phải sinh hoặc nợ phải trả phải sinh tương ứng với giá trị đánh giá lại hợp đồng hoán đổi lũy kế đến cuối kỳ trước và ghi nhận số tiền phải thu, phải trả kỳ cuối cùng (nếu có). Đồng thời, kế toán ghi giảm tài sản phải sinh và ghi giảm khoản chênh lệch đánh giá lại hợp đồng hoán đổi lũy kế đến cuối kỳ trước và ghi giảm giá trị danh nghĩa hợp đồng hoán đổi ở tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán.</p>	<p>– Tại thời điểm đáo hạn hợp đồng, kế toán thu hồi số tiền gốc mang đi hoán đổi và ghi giảm khoản đầu tư; Kế toán trả lại số tiền gốc nhận về từ việc hoán đổi và ghi giảm khoản đi vay. Số tiền gốc mang đi trao đổi (nếu là ngoại tệ) khi thu hồi được ghi nhận theo tỷ giá thực tế giao ngay; Số tiền gốc nhận hoán đổi (nếu là ngoại tệ) khi trả lại được ghi nhận theo tỷ giá ghi sổ. Đồng thời, kế toán ghi giảm tài sản hoặc nợ phải trả phải sinh tương ứng với khoản chênh lệch đánh giá lại giá trị hợp lý hợp đồng hoán đổi được ghi nhận trong phần vốn chủ sở hữu.</p>

Câu 21: Nêu đặc điểm hợp đồng hoán đổi, nguyên tắc hạch toán hợp đồng hoán đổi cho mục đích thương mại

Trả lời:

Đặc điểm, bản chất hợp đồng hoán đổi

- Các hợp đồng hoán đổi đều có đặc điểm chung là một bên đổi lợi ích của nó trên một thị trường tài chính này để lấy lợi ích của bên khác trên một thị trường tài chính khác. Các hợp đồng hoán đổi thường được dùng để phòng ngừa các loại rủi ro tài chính (như rủi ro về lãi suất thay đổi, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá cổ phiếu), để hưởng các ưu đãi dành cho các công ty trong nước, hoặc để nhằm mục đích đầu cơ

- Các hoán đổi thông thường không có các thanh toán bằng tiền mặt giữa hai bên, do đó các hoán đổi có giá trị ban đầu bằng 0.

- Các hợp đồng hoán đổi được thực hiện theo nguyên tắc bù trừ sẽ giúp giảm rủi ro tín dụng bằng cách cắt giảm khối lượng đồng tiền thanh toán giữa hai bên

- Hợp đồng hoán đổi chỉ được giao dịch trên thị trường phi tập trung (OTC) bằng phương thức thỏa thuận giữa các bên. Vì vậy các bên tham gia hợp đồng hoán đổi thường biết rõ lẫn nhau và chủ yếu là doanh nghiệp, tập đoàn và tổ chức tài chính

- Về bản chất, việc hoán đổi được dựa vào nhu cầu nhận/hoặc chi trả luồng tiền của từng bên nhằm mục đích chủ yếu là ngăn ngừa rủi ro cho hoạt động kinh doanh. Thông qua hoán đổi, người ta có thể chuyển dịch rủi ro từ một thị trường hay từ 1 loại tiền tệ này sang thị trường hay tiền tệ khác.

- Cũng giống như hợp đồng kì hạn và hợp đồng tương lai, hợp đồng hoán đổi được dùng để phòng ngừa rủi ro hối đoái. Thông qua hợp đồng hoán đổi, các bên tham gia có được ngoại tệ mình mong muốn ở cùng tỷ giá mà không phải mua bán qua ngân hàng nên tránh được rủi ro do biến động tỷ giá và chênh lệch giữa giá mua và giá bán. Tuy nhiên điểm khác nhau giữa hợp đồng hoán đổi với hợp đồng kì hạn và tương lai đó là các hợp đồng kì hạn và tương lai được dùng để phòng ngừa rủi ro trong ngắn hạn thì hợp đồng hoán đổi lại chủ yếu để phòng ngừa rủi ro trong dài hạn, thường trên 2 năm.

Nguyên tắc hạch toán hợp đồng hoán đổi cho mục đích thương mại

Hợp đồng hoán đổi lãi suất và hàng hoá	Hợp đồng hoán đổi tiền tệ:
- <i>Tại thời điểm hợp đồng hoán đổi có hiệu lực</i> , kế toán phản ánh giá trị cam kết danh nghĩa hoán đổi ở tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán.	- <i>Tại thời điểm hợp đồng có hiệu lực</i> , kế toán phải ghi nhận số tiền gốc mang đi hoán đổi là khoản đầu tư; Số tiền gốc nhận về được ghi nhận là khoản đi vay.

	Số tiền gốc mang đi trao đổi (nếu là ngoại tệ) được ghi nhận theo tỷ giá ghi sổ; Số tiền gốc nhận về (nếu là ngoại tệ) được ghi nhận theo tỷ giá thực tế giao ngay hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng.
– Định kỳ , kế toán căn cứ vào khoản chênh lệch giữa số tiền phải trả hoặc số tiền được nhận từ hợp đồng hoán đổi trong kỳ để ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.	- Định kỳ , kế toán ghi nhận số tiền lãi phải trả theo hợp đồng hoán đổi là chi phí tài chính; Số tiền lãi nhận về từ hợp đồng hoán đổi được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.
- Khi lập báo cáo tài chính , trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực, kế toán phải đánh giá lại hợp đồng hoán đổi và ghi nhận giá trị hiện tại của khoản chênh lệch giữa số tiền ước tính phải thu và số tiền ước tính phải trả từ thời điểm báo cáo đến thời điểm đáo hạn hợp đồng là tài sản phái sinh hoặc nợ phải trả phái sinh. - Trường hợp hợp đồng hoán đổi sử dụng cho mục đích kinh doanh, kế toán ghi nhận khoản chênh lệch đánh giá lại hợp đồng hoán đổi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;	– Khi lập báo cáo tài chính , kế toán phải đánh giá lại giá trị hợp lý hợp đồng hoán đổi là chênh lệch giữa giá trị hiện tại của số tiền mang đi trao đổi và số tiền nhận về từ việc hoán đổi để ghi nhận là tài sản phái sinh hoặc nợ phải trả phái sinh. - Đối với hợp đồng hoán đổi nắm giữ cho mục đích kinh doanh, kế toán ghi nhận khoản đánh giá lại giá trị hợp lý vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
– Khi đáo hạn hợp đồng hoán đổi , việc thanh toán giữa các bên chỉ được thực hiện trên cơ sở thuần (thanh toán khoản chênh lệch giữa số tiền phải thu và số tiền phải trả), không có sự chuyển giao hiện vật (số tiền cho vay hoặc hàng hoá), kế toán phải ghi giảm toàn bộ số dư tài sản phái sinh hoặc nợ phải trả phái sinh tương ứng với giá trị đánh giá lại hợp đồng hoán đổi lũy kế đến cuối kỳ trước và ghi nhận số tiền phải thu, phải trả kỳ cuối cùng (nếu có). Đồng thời, kế toán ghi giảm tài sản	– Tại thời điểm đáo hạn hợp đồng , kế toán thu hồi số tiền gốc mang đi hoán đổi và ghi giảm khoản đầu tư; Kế toán trả lại số tiền gốc nhận về từ việc hoán đổi và ghi giảm khoản đi vay. Số tiền gốc mang đi trao đổi (nếu là ngoại tệ) khi thu hồi được ghi nhận theo tỷ giá thực tế giao ngay; Số tiền gốc nhận hoán đổi (nếu là ngoại tệ) khi trả lại được ghi nhận theo tỷ giá ghi sổ. Đồng thời, kế toán ghi giảm tài sản hoặc nợ phải trả phái sinh tương ứng với khoản chênh lệch đánh giá lại giá trị hợp lý hợp đồng

phái sinh và ghi giảm khoản chênh lệch đánh giá lại hợp đồng hoán đổi lũy kế đến cuối kỳ trước và ghi giảm giá trị danh nghĩa hợp đồng hoán đổi ở tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán.	hoán đổi được ghi nhận trong phần vốn chủ sở hữu.
---	---

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com